**KẾ HOẠCH BÀI DẠY**

**MÔN: CÔNG NGHỆ - LỚP 5**

**BÀI 2: SÁNG CHẾ CÔNG NGHỆ (T1) – TIẾT 3**

**Thời gian thực hiện: ngày 25 tháng 9 năm 2024**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

- Năng lực tự chủ và tự học: Hình thành phương pháp tự đọc hiểu tài liệu, vận dụng kiến thức đã học để thực hiện nhiệm vụ; Năng lực giao tiếp và hợp tác: Hình thành thói quen trao đổi, hỗ trợ, hợp tác với nhau trong học tập.

**-** Nêu được vai trò của sáng chế trong đời sống và sự phát triển của công nghệ. Nêu được lịch sử sáng chế ra sản phẩm công nghệ tiêu biểu.

**-** Thường xuyên hoàn thành nhiệm vụ học tập, có ý thức vận dụng kiến thức, kĩ năng học được ở nhà trường vào đời sống hằng ngày.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:**

- GV: Một số hình ảnh trong SGK, sưu tầm thêm hình ảnh tài liệu về các sáng chế công nghệ trên thế giới và Việt Nam.

- HS: SGK, SBT.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **TG** | **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **5’** | **1. Hoạt động mở đầu:**a. Mục tiêu: Tạo hứng thú học tập và nhu cầu tìm hiểu về các sáng chế sản phẩm công nghệ tiêu biểu.b. Tổ chức thực hiện: |
|  | - GV yêu cầu HS quan sát một vài sản phẩm công nghệ gần gũi với cuộc sống hằng ngày(như bóng đèn, điện thoại,…) và đặt câu hỏi: Điện thoại do ai sáng chế ra nhỉ?- GV gọi 1-2 HS trả lời.- Gọi HS khác nhận xét.- GV nhận xét và chốt đáp án: Điện thoại do A-lếch-xan-đơ Gra-ham-Beo sáng chế.- GV dẫn dắt HS cùng tìm hiểu vai trò của sáng chế ở hoạt động tiếp theo. | - Quan sát hình và trả lời câu hỏi.- Trả lời.- Nhận xét.- Nghe- Nghe |
| **15’** | **2. Hoạt động hình thành kiến thức mới****Vai trò của sáng chế** **2.1. Tìm hiểu vai trò của sáng chế trong đời sống(12’)**a. Mục tiêu: Nhận biết được vai trò của sáng chế trong đời sống.b. Tổ chức thực hiện: |
|  | - GV yêu cầu HS quan sát hình trang 9 SGK và cho biết vai trò của sáng chế trong đời sống.- GV yêu cầu thảo luận nhóm đôi- GV gọi đại diện 1 nhóm lên báo cáo- GV gọi nhóm khác nhận xét- GV nhận xét chốt đáp án:+ Bóng đèn điện: Chiếu sáng+ Động cơ điện: Làm quạt điện.- GV chốt kiến thức: Vai trò của sáng chế trong đời sống giúp cho cuộc sống con người ngày càng tiện nghi và văn minh hơn. | - Quan sát và trả lới câu hỏi.\* HSKT thảo luận cùng bạn.- Thảo luận nhóm đôi- Trả lời câu hỏi- Nhận xét- Nghe- Nghe, ghi bài. |
|  | **2.2. Tìm hiểu vai trò của sáng chế với sự phát triển của công nghệ** a. Mục tiêu: Nhận biết được vai trò của sáng chế với sự phát triển của công nghệb. Tổ chức thực hiện: |
|  | - GV yêu cầu HS quan sát hình trang 10 SGK và cho biết vai trò của sáng chế với sự phát triển của công nghệ.- GV yêu cầu thảo luận nhóm đôi trả lời câu hỏi- GV gọi các nhóm lên trả lời- Gọi nhóm khác lên nhận xét- GV nhận xét chốt đáp án:+ Động cơ: Thúc đẩy công nghệ giao thông vận tải phát triển.+ Robot: Thúc đấy công nghệ tự động hóa sản xuất phát triển.+ Internet: Thúc đẩy công nghệ thông tin phát triển.- GV chốt kiến thức: Vai trò của sáng chế với sự phát triển của công nghệ sáng chế giúp công nghệ giao thông vận tải, công nghệ tự động hóa sản xuất, công nghệ thông tin,.. ra đời và phát triển.- Yêu cầu đọc kết luận trong SGK trang 11. | - Quan sát hình và trả lời câu hỏi- Thảo luận nhóm đôi\*HSKT thảo luận cùng bạn.- Trả lời- Nhận xét- Nghe- Đọc kết luận. |
| **15’** | **3. Hoạt động luyện tập** a. Mục tiêu: Củng cố kiến thức về vai trò của sáng chế với đời sống và với sự phát triển của công nghệ.b. Tổ chức thực hiện: |
|  | - GV tổ chức trò chơi “Ai nhanh, ai đúng? Trang 11 SGK: Cùng bạn ghép thẻ vai trò của sáng chế trong đời sống và công nghệ phù hợp với hình tương ứng.- Yêu cầu thảo luận nhóm đôi. Sau đó gọi đại diện 2 nhóm lên trả lời.- Gọi HS nhận xét kết quả của 2 nhóm.- GV nhận xét, chốt đáp án:+ Máy tính và internet: giúp mọi người kết nối, trao đổi thông tin nhanh chóng, thuận lợi.+ Tấm pin năng lượng mặt trời: giúp công nghệ năng lượng phát triển.**\* củng cố, dặn dò:**- Tiết học vừa rồi chúng ta đã được học nội dung gì? - Về nhà các em chuẩn bài hôm sau. | - Nghe hướng dẫn.\* HSKT tham gia chơi cùng bạn.- Thực hiện yêu cầu.- Nhận xét- Nghe, ghi bài. |

1. **ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:**

…………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………….